

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG
Số: 204/2026/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đà Nẵng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 118/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026, về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

+ Ông Trần Phước S, sinh ngày 19/11/1994; CCCD số: 048094009288 do Cục C về TTXH cấp ngày 06/11/2023.

+ Bà Lê Gia Bảo K, sinh ngày 27/11/1994; CCCD số 046194004321 do Cục C về TTXH cấp ngày 17/6/2023.

Cùng địa chỉ: F N, phường A, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Phước S và bà Lê Gia Bảo K đi đến hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S (nay là UBND phường A), thành phố Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 08 tháng 4 năm 2019. Hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải, ông Trần Phước S và bà Lê Gia Bảo K xác định: Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khác nhau về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được và không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa. Vì vậy ông, bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu đề nghị công nhận thuận tình ly hôn của ông Trần Phước S và bà Lê Gia Bảo K thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông S và bà K lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải, ông S và bà K đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn của ông S và bà K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông S và bà K là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông S và bà K xác định vợ chồng có 02 con chung: Trần L, sinh ngày 12/6/2019 và Trần Minh A, sinh ngày 21/10/2023. Thuận tình ly hôn, ông S và bà K thoả thuận: Giao 02 con chung Trần L, sinh ngày 12/6/2019 và Trần Minh A, sinh ngày 21/10/2023 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng. Ông S cấp dưỡng nuôi 02 con chung: 5.000.000 đồng/01 tháng/01 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 4/2026 vào ngày 10 hàng tháng. Ông S và bà K tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD chấp nhận thỏa thuận nuôi con của ông bà.

[5] Về tài sản chung: Ông S và bà K xác định không có nên Tòa án không xem xét.

[6] Các vấn đề khác: Ông S và bà K xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[7] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông S và bà Khuê N chịu.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Phước S và bà Lê Gia Bảo K (*Giấy chứng nhận kết hôn 29 do Ủy ban nhân dân phường A, quận S (nay là phường A), thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08 tháng 4 năm 2019 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật*).

1.2 Về con chung: Giao 02 con chung Trần L, sinh ngày 12/6/2019 và Trần Minh A, sinh ngày 21/10/2023 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng. Ông S cấp dưỡng nuôi 02 con chung: 5.000.000 đồng/01 tháng/01 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 4/2026 vào ngày 10 hàng tháng.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.3 Về tài sản chung: Ông S và bà K xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

1.4 Về nợ chung: Ông S và bà K xác định vợ chồng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Ông S và bà K tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo

biên lai thu số 0002351 ngày 13/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.
Ông S và bà K đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- UBND P. An Hải;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đông Thanh